

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NINH B  
TỈNH NINH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/HS-ST

Ngày 24 - 11 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH B, TỈNH NINH B**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thanh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Kim Phụng

Bà Hoàng Thị Phụng

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh B, tỉnh Ninh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh B, tỉnh Ninh B tham gia phiên tòa:*** ông Phạm Việt Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Quang L** sinh năm 1979 tại tỉnh Ninh B; nơi cư trú: số nhà 36, ngõ 395, đường T, phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T và bà Bùi Thị H (đều đã chết); có vợ Phạm Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: Tại Quyết định số 01 ngày 22/02/2021 của Ủy ban nhân dân phường Bích Đào, thành phố Ninh B, tỉnh Ninh B áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại cấp xã, phường, thị trấn đối với Nguyễn Quang L trong thời hạn 03 tháng, L đã chấp hành xong biện pháp trên ngày 22/5/2021; nhân thân: (1) tại Quyết định số 2244 ngày 07/9/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã Ninh B, tỉnh Ninh B (nay là thành phố Ninh B) đưa Nguyễn Quang L vào Trung tâm chữa bệnh - giáo dục lao động xã hội tỉnh Ninh B trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 12/9/2007. (2) tại bản án số 06 ngày 07/3/1998 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh B Nguyễn Quang L bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Cưỡng

đoạt tài sản của công dân”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/1998. (3) tại Quyết định xử phạt hành chính số 14 ngày 26/6/2009 của Công an phường Tân Thành, thành phố Ninh B, tỉnh Ninh B Nguyễn Quang L bị xử phạt 200.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 26/6/2009. (4) tại Quyết định xử phạt hành chính số 30 ngày 26/8/2010 của Công an phường Thanh B, thành phố Ninh B, tỉnh Ninh B Nguyễn Quang L bị xử phạt 200.000 đồng về hành vi “Trộm cắp vật”, chấp hành xong ngày 26/8/2010. (5) tại Bản án số 172 ngày 16/12/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh B, tỉnh Ninh B Nguyễn Quang L bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2011. (6) tại Quyết định xử phạt hành chính số 27 ngày 25/5/2017 của Công an phường Vân Giang, thành phố Ninh B Nguyễn Quang L bị xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” chấp hành xong ngày 25/5/2017; bị tạm giữ từ ngày 14/7/2021 đến ngày 23/7/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Công an tỉnh Ninh B cho đến nay; có mặt.

2. **Trần Quốc B** sinh năm 1972 tại tỉnh Ninh B; nơi cư trú: số nhà 211, đường T, phố S, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức H1 và bà Kiều Thị S; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; thân thân: (1) Bản án số 07 ngày 21/01/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh B Trần Quốc B bị xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2004. (2) tại Quyết định số 2245 ngày 07/9/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã Ninh B, tỉnh Ninh B (nay là thành phố Ninh B) đưa Trần Quốc B vào Trung tâm chữa bệnh – giáo dục lao động xã hội tỉnh Ninh B trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 8/9/2007. (3) tại Bản án số 40 ngày 21/4/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh B, tỉnh Ninh B Trần Quốc B bị xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2010. (4) tại Bản án số 03 ngày 16/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh B, tỉnh Ninh B Trần Quốc B bị xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/02/2018; bị tạm giữ từ ngày 14/7/2021 đến ngày 23/7/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Công an tỉnh Ninh B cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Vũ Đức H2, sinh năm 1975; nơi cư trú: số nhà 16, ngõ 795, đường T, phố H, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh B; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tử H3, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn N, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh B; vắng mặt.

+ Anh Bùi Văn X, sinh năm 1989; nơi cư trú: số nhà 10, ngõ 106, phố S, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh B; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1982; nơi cư trú: số nhà 699, đường T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh B; vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1966; nơi cư trú: phố L, phường S, thành phố N, tỉnh Ninh B; vắng mặt.

+ Anh Điền Văn H4, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn C, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh B; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phạm Bá S1, sinh năm 1965; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang L và Trần Quốc B có mối quan hệ quen biết nhau. Sáng ngày 12/7/2021 L gặp B và nói “Lúc nào rảnh qua nhà em”, khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2-706.40 đến nhà L. L nói với B “lên khu phường Nam Thành tìm thằng bạn trước làm cốt pha với em”, B đồng ý rồi L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2-706.40 chở B đi tìm người bạn của L nhưng không gặp. Sau đó L điều khiển xe mô tô chở B đi qua nhà ở đang xây dựng của ông Phạm Bá S1 sinh năm 1965 tại số 14, ngõ 106, đường 30/6, phường T, thành phố N, thấy không có người trông coi nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L dừng xe trước cửa nhà ông S1 và nói với B “Anh đứng ở ngoài trông xe và coi để em vào trong nhà xem có tài sản gì không để lấy”, B đồng ý và đứng ngoài cánh giới còn L lén lút vào nhà ông S1 tìm tài sản để trộm cắp. Lúc này tại công trình xây dựng nhà ở của gia đình ông S1 do đến giờ nghỉ trưa nên các anh Vũ Đức H2 sinh năm 1975, trú tại phố H, phường Đ, thành phố N để lại 01 máy đục bê tông, màu xanh da trời, nhãn hiệu DKELL và 04 cuộn dây điện Trần Phú (gồm 02 cuộn dây điện Trần Phú loại 1x4 có tổng chiều dài là 57m và 02 cuộn dây điện Trần Phú loại 1x2,5 có tổng chiều dài là 20m); anh Nguyễn Tử H3 sinh năm 1969, trú tại thôn N, xã N, thành phố N để lại 01 máy khoan cầm tay màu xanh đen nhãn hiệu FEG và 01 máy cắt cầm tay màu xanh lá cây nhãn hiệu DCA; anh Bùi Văn X sinh năm 1989, trú tại: phố S, phường T, thành phố N để lại 01 máy khoan màu vàng cát, nhãn hiệu CROWN ở trong phòng khách tầng 1 rồi cùng ông S1 đi về không ai trông coi tài sản (các anh H2, H3 và X đều là thợ thi công tại công trình nhà ông S1).

Khi vào trong nhà ông S1, L quan sát không thấy ai nên đã lấy trộm 01 máy đục bê tông cầm tay màu xanh da trời nhãn hiệu DKELL của anh H2 và 01 máy

cắt cầm tay màu xanh lá cây nhãn hiệu DCA của anh H3 để ở vị trí bậc lên xuống cầu thang tầng 1. Khi đi ra vị trí cửa chính tầng 1 L lấy 02 cuộn dây điện Trần Phú của anh H1. Sau đó L đi ra vị trí xe mô tô và bảo B: “Về thôi”. B liền điều khiển xe mô tô chở L cùng số tài sản vừa trộm cắp được mang về nhà B cất giấu. Trên đường đi về B hỏi L: “Còn gì nữa không?” L trả lời: “Không biết. Tí nữa quay lại xem còn gì thì lấy nốt”. Sau khi cất giấu xong tài sản, L tiếp tục điều khiển xe mô tô chở B đến công trình xây dựng nhà ông S1. Khi đi đến cầu Vượt Thanh Bình, thành phố N, B hỏi L: “Quay lại lấy tiếp à?”, L trả lời: “Vâng”. Khi đến nhà ông S1, B tiếp tục đứng ngoài trông xe và cảnh giới còn L đi vào trong nhà lấy 01 máy khoan cầm tay màu xanh đen nhãn hiệu FEG của anh H3, 01 máy khoan màu vàng cát nhãn hiệu CROWN của anh X và 02 cuộn dây điện Trần Phú của anh H2 để ở vị trí nền nhà ngay dưới bậc cầu thang lên xuống của tầng 1 đem ra vị trí chỗ B đứng và nói với B: “Đi thôi”. Rồi B điều khiển xe mô tô chở L mang số tài sản vừa trộm cắp được về nhà B cất giấu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày L đến nhà B lấy 01 máy cắt cầm tay màu xanh lá cây nhãn hiệu DCA, 01 máy khoan màu vàng cát nhãn hiệu CROWN, 01 máy khoan cầm tay màu xanh đen nhãn hiệu FEG mang bán cho anh Điền Văn H4, sinh năm 1983, trú tại: thôn C, xã P, thành phố N với giá 600.000 đồng. Khoảng 08 giờ ngày 13/7/2021 L đến nhà B lấy 01 máy đục bê tông cầm tay màu xanh da trời nhãn hiệu DKELL và 04 cuộn dây điện Trần Phú rồi mang bán 01 máy đục bê tông cho anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1982, nhà ở số 699, đường T, phường Đ, thành phố N với giá 250.000 đồng. Còn 04 cuộn dây điện L mang về nhà mình dùng dao dẹt dao Thái để gọt vỏ ngoài, tách lấy lõi đồng của 04 cuộn dây điện. Đến khoảng 18 giờ ngày 13/7/2021, L mang 04 cuộn dây đồng tách được từ 04 cuộn dây điện Trần Phú trộm cắp đến bán cho chị Vũ Thị T2, sinh năm 1966, trú tại phố L, phường S, thành phố N là người thu mua phế liệu với giá 340.000 đồng. Sau khi bán hết số tài sản trộm cắp với tổng số tiền 1.190.000 đồng, L mang số tiền bán được đến gặp B rồi cả hai đã sử dụng hết số tiền trên vào mục đích tiêu sài cá nhân.

Sau khi phát hiện tài sản của các anh H2, H3 và X bị mất trộm tại nhà mình nên ông S1 đã đến Công an phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình trình báo sự việc. Sau khi rà soát camera, đối tượng, Công an thành phố Ninh Bình phát hiện Trần Quốc B có biểu hiện nghi vấn nên đã triệu tập lên làm việc, tại đây B đã xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản cùng Nguyễn Quang L. Căn cứ vào lời khai của B, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình đã tiến hành bắt giữ L trong trường hợp khẩn cấp, tại Cơ quan điều tra L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cùng B.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 49 ngày 20/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thành phố Ninh Bình kết luận: 01 máy đục bê tông cầm tay màu xanh da trời nhãn hiệu DKELL trị giá 750.000 đồng, 01 máy cắt

cầm tay màu xanh lá cây nhãn hiệu DCA trị giá 600.000 đồng, 01 máy khoan cầm tay màu xanh đen nhãn hiệu FEG trị giá 400.000 đồng, 01 máy khoan màu vàng cát nhãn hiệu CROWN trị giá 350.000 đồng, dây điện Trần Phú loại dây 1x4 dài 57m trị giá 714.000 đồng, dây điện Trần Phú loại dây 1x2,5 dài 20m trị giá 180.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.994.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Quang L và Trần Quốc B đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh B đã thu giữ và xử lý như sau:

- Thu giữ của Trần Quốc B 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B2-706.40, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 139166 mang tên Trần Quốc B; thu giữ của Nguyễn Quang L 01 con dao dạng dao Thái, 01 áo sơ mi dài tay màu xanh thẫm có kẻ sọc trắng và 01 quần vải bò dài ống, màu xám. Các tài sản này các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình quản lý để giải quyết cùng vụ án.

- Thu giữ 01 máy cắt cầm tay màu xanh lá cây nhãn hiệu DCA, 01 máy khoan màu vàng cát nhãn hiệu Crown, 01 máy khoan cầm tay màu xanh đen nhãn hiệu FEG tại nhà anh Điền Văn H4, sinh năm 1983, trú tại: thôn C, xã P, thành phố N; thu giữ 01 máy đục bê tông tại nhà anh Nguyễn Xuân T1 sinh năm 1982, nhà ở số 699, đường T, phường Đ, thành phố N; 04 cuộn dây đồng tách được từ 04 cuộn dây điện Trần Phú tại nhà chị Vũ Thị T2 sinh năm 1966, trú tại phố L, phường S, thành phố N. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu là anh Vũ Đức H2, Nguyễn Tử H3 và Bùi Văn X.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Quang L và Trần Quốc B đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường cho chị Vũ Thị T2 số tiền 340.000 đồng, anh Điền Văn H4 số tiền 600.000 đồng, anh Nguyễn Xuân T1 số tiền 250.000 đồng và bồi thường thiệt hại của 04 cuộn dây điện cho anh Vũ Đức H2 với số tiền 560.000 đồng. Chị T2, anh H4, anh T1, anh H2 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 26-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh B truy tố các bị cáo Nguyễn Quang L, Trần Quốc B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang L, Trần Quốc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang L từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời

hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/7/2021; phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quốc B từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/7/2021, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 35B2-706.40; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 139166 mang tên Trần Quốc B;

- Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao dạng dao Thái; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh thẫm có kẻ sọc; 01 quần vỏ bò dài ống, màu xám.

- Về án phí: các bị cáo bị xét xử phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Quang L, Trần Quốc B đều thừa nhận các tình tiết của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng. Các bị cáo cùng khai nhận: Sáng ngày 12/7/2021 các bị cáo có hành vi chiếm đoạt 01 máy đục bê tông cầm tay màu xanh da trời nhãn hiệu DKELL và 04 cuộn dây điện Trần Phú; 01 máy cắt cầm tay màu xanh lá cây nhãn hiệu DCA và 01 máy khoan cầm tay màu xanh đen nhãn hiệu FEG; 01 máy khoan màu vàng cát nhãn hiệu CROWN để trong một nhà ở đang xây dựng tại phường T, thành phố N.

Trong quá trình điều tra bị hại là ông Nguyễn Tử H3, anh Vũ Đức H2 và anh Bùi Văn X đã khai báo về thời gian, địa điểm và tài sản bị chiếm đoạt như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Ông H3, anh H2 và anh X đã nhận lại tài sản bị mất; anh H2 đã nhận số tiền gia đình các bị cáo bồi thường thiệt hại của 4 cuộn dây điện là 560.000 đồng. Ông H3, anh H2 và anh X không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, liên quan đến vụ án là anh Điền Văn H4, anh Nguyễn Xuân T1 và bà Vũ Thị T2 đều khai báo, thừa nhận họ đã mua tài sản L đem đến nhà bán với số tiền như cáo trạng đã nêu (số tiền của anh H4 là 600.000 đồng, anh T1 là 250.000 đồng và bà T2 là 340.000 đồng).

Trong quá trình điều tra người làm chứng là ông Phạm Bá S1 khai báo: Ngày 12/7/2021 tại công trình xây dựng nhà ở của ông S1 tại số 14, ngõ 106, đường 30/6, phố C 2, phường T, thành phố N bị mất 01 máy đục bê tông cầm tay màu xanh da trời nhãn hiệu DKELL và 04 cuộn dây điện Trần Phú của anh Vũ Đức H2; 01 máy cắt cầm tay màu xanh lá cây nhãn hiệu DCA và 01 máy khoan cầm tay màu xanh đen nhãn hiệu FEG của ông Nguyễn Tử H3; 01 máy khoan màu vàng cát nhãn hiệu CROWN của anh Bùi Văn X.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ninh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội: các bị cáo Nguyễn Quang L, Trần Quốc B khai nhận đã cùng nhau thực hiện hình vi trộm cắp tài sản như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, bản ảnh xác định hiện trường, biên bản nhận dạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 12/7/2021 tại nhà đang xây dựng của ông Phạm Bá S1, trú tại số 14, ngõ 106, đường 30/6, phố C 2, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình Nguyễn Quang L và Trần Quốc B có hành vi lợi dụng sự sơ hở, lén lút của chủ sở hữu chiếm đoạt 01 máy đục bê tông cầm tay màu xanh da trời nhãn hiệu DKELL và 04 cuộn dây điện Trần Phú của anh Vũ Đức H2, 01 máy cắt cầm tay màu xanh lá cây nhãn hiệu DCA và 01 máy khoan cầm tay màu xanh đen nhãn hiệu FEG của ông Nguyễn Tử H3, 01 máy khoan màu vàng cát nhãn hiệu CROWN của anh Bùi Văn X có tổng trị giá tài sản là 2.994.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

#### **Điều 173. Tội trộm cắp tài sản**

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Quang L, Trần Quốc B phạm tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên là đồng phạm có tính chất giản đơn. Vì vậy cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời xem xét nhân thân và tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo L, B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo L, B đã tác động gia đình nộp tiền để bồi thường thiệt hại và thành khẩn khai báo nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo B đầu thú hành vi phạm tội nên được hưởng thêm hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo: Bị cáo L là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện tội phạm và tiêu thụ tài sản trộm cắp; bị cáo B tham gia cảnh giới khi L thực hiện hành vi trộm cắp, dùng nhà mình làm địa điểm cất giấu tài sản trộm cắp. Do đó tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo L nghiêm trọng hơn bị cáo B.

Về nhân thân: Các bị cáo L, B đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án và xử lý hành chính nhưng không chịu sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới.

[3] Hình phạt: Sau khi xem xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đến 10 triệu đồng”. Xét thấy các bị cáo L và B phạm tội với mục đích vụ lợi nên phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với bà Vũ Thị T2, anh Điền Văn H4, anh Nguyễn Xuân T1 mua tài sản của L, do không biết tài sản đó do trộm cắp mà có nên không vi phạm.



[4] Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

[4.1] Trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh B đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Tử H3, anh Vũ Đức H2 và anh Bùi Văn X. Ông H3, anh H2 và anh X đã nhận lại tài sản và không có ý kiến, đề nghị gì. Các bị cáo Nguyễn Quang L và Trần Quốc B đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường cho bà Vũ Thị T2 số tiền 340.000 đồng, anh Điền Văn H4 số tiền 600.000 đồng, anh Nguyễn Xuân T1 số tiền 250.000 đồng và bồi thường thiệt hại của 04 cuộn dây điện cho anh Vũ Đức H2 với số tiền 560.000 đồng. Chị T2, anh H4, anh T1, anh H1 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[4.2] Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý các vật chứng và các tài sản thu giữ như sau:

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn: đỏ, số loại: Sirius, số máy E3T6E426300, số khung 1710KY287242, biển kiểm soát 35B2-706.40 kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B2-706.40 số 139166 mang tên Trần Quốc B do các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao dạng dao Thái do liên quan đến hành vi phạm tội; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh thẫm có kẻ sọc, áo đã cũ; 01 quần vải bò dài ống, màu xám, quần đã cũ là trang phục bị cáo L sử dụng ngày 12/7/2021 không có giá trị sử dụng và bị cáo L không có yêu cầu nhận lại.

[5] Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo L và B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang L;

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quốc B;

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang L và Trần Quốc B phạm tội “trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang L 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/7/2021;

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Quang L 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) nộp Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Quốc B 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/7/2021;

Phạt bổ sung bị cáo Trần Quốc B 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn: đỏ, số loại: Sirius, số máy E3T6E426300, số khung 1710KY287242, biển kiểm soát 35B2-706.40 kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B2-706.40 số 139166 mang tên Trần Quốc B;

- Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao dạng dao Thái; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh thẫm có kẻ sọc, áo đã cũ; 01 quần vỏ bò dài ống, màu xám, quần đã cũ.

(*Vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05-11-2021 giữa Công an thành phố Ninh Bình với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình*).

3. Án phí: Bị cáo Nguyễn Quang L và bị cáo Trần Quốc B mỗi bị cáo pH2nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-11-2021); bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH2thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Ninh B;
- VKSND tỉnh Ninh B;
- VKSND thành phố Ninh B;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh B;
- Chi cục THA DS thành phố Ninh B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan THAHS Công an thành phố Ninh B;
- Trại tạm giam CA tỉnh Ninh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Thanh Phương**